TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM HÀ** **TỈNH LÂM ĐỒNG** Bản án số: 26/2022/DS-ST Ngày: 06-5-2022 *V/v: Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Luân

2. Bà Thạch Thị Lan Nhung

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Khắc Duy – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 236/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2020 về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2022/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2022/QĐST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị O, sinh năm 1963, địa chỉ: Số 649, đường H, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Vợ chồng ông Dương Công T, sinh năm 1963, bà Phan Thị Mai P, sinh năm: 1968. Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1966. Địa chỉ: Số 24 đường T, Phường 4, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Theo văn bản ủy quyền ngày 26/5/2021.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Đinh Thị Minh T1, sinh năm 1986; chị Đinh Thị Mai T2, sinh năm 1991; chị Đinh Thị Thu Y, sinh năm 1992; anh Đinh Văn T3, sinh năm 1994; chị Đinh Thị Tú A, sinh năm 2001. Cùng địa chỉ: Số 649 đường H, tổ dân phố Đ, thị trấn Đ, huyện L, Lâm Đồng.

Chị T1, chị T2, chị Yến, anh T3, chị Tú A ủy quyền cho bà Trần Thị O tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 22/5/2021.

(Bà O, bà H có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Trần Thị O trình bày: Bà và ông Đinh Văn T4 là vợ chồng, ông T4 đã chết ngày 22/11/2018. Ngày 04/02/2013 dương lịch vợ chồng bà có cho vợ chồng ông Dương Công T, bà Phan Thị Mai P vay số tiền 580.000.000đồng, thời hạn trả nợ hẹn cuối năm 2013, trong giấy vay tiền không thỏa thuận lãi nhưng bên có thỏa thuận miệng với nhau lãi là 1.000/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ khi vay cho đến nay, ông T, bà P không trả cho vợ chồng ông bà một khoản tiền gốc cũng như lãi nào cho dù bà đã đòi nhiều lần. Nay ông T4 chồng đã mất, bố mẹ ruột của ông T4 cũng đã mất trước ông T4, ông T4 không có bố mẹ nuôi, không có con nuôi, giữa bà và ông T4 có 05 người con chung, các con của bà và ông T4 ủy quyền cho bà toàn quyền quyết định đối với số tiền trên. Vì vậy, bà O yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Dương Công T, bà Phan Thị Mai P trả cho bà số tiền gốc là 580.000.000đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 10%/ tháng tính từ ngày vay từ 04/02/2013 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án. Ngoài ra bà O không còn yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H trình bày: Bị đơn xác định ngày 04/02/2013 bà P có vay của ông T4 580.000.000đồng, nhưng chỉ một mình bà P vay của ông T4 còn ông T không vay của ông T4, ông T không biết việc vay

mượn này. Tuy nhiên, trong tháng 02/2015 ông T, bà P đã trả cho ông T4 02 lần tiền cụ thể:

Ngày 04/02/2015 ông T, bà P đã trả cho ông T4 số tiền 300.000.000đồng. Tuy nhiên theo kết luận giám định là 30.000.000đồng thì phía bị đơn cũng đồng ý theo kết luận giám định. Cũng trong tháng 02/2015 ông T, bà P đã trả thêm cho ông T4 số tiền 100.000.000đồng. Như vậy, tổng cộng trong tháng 02/2015 thì ông T, bà P đã trả cho ông T4 130.000.000đồng. Ngoài ra, ông T bà P có yêu cầu phản tố buộc nguyên đơn phải trả cho bị đơn số tiền 190.000.000đồng theo giấy nhận tiền ngày 31/3/2009 bị đơn đã xuất trình cho Tòa án

Vì vậy, phía bị đơn yêu cầu cấn trừ cụ thể: 580.000.000đồng – 130.000.000đồng – 190.000.000 = 260.000.000đồng. Bị đơn ông T, bà P đồng ý trả cho bà O số tiền gốc là 260.000.000đồng, không đồng ý trả tiền lãi. Ngoài ra, bà H không trình bày gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đinh Thị Minh T1, chị Đinh Thị Mai T2, chị Đinh Thị Yến, anh Đinh Văn T3, chị Đinh Thị Tú A ủy quyền cho bà Trần Thị O tham gia tố tụng và được toàn quyền quyết định mọi vấn đề có liên quan trong vụ án, không đến Tòa án làm việc, không có lời khai.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án triển khai đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà O xác định phía nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T, bà P phải trả cho bà tiền gốc là 580.000.000đồng, lãi suất theo mức 10%/ năm/ số tiền vay, thành tiền là 522.000.000đồng, tổng cộng là 1.102.000.000đồng. Còn tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị đơn thay đổi ý kiến không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử cấn trừ số tiền theo 02 tài liệu do bị đơn xuất trình cụ thể trong tháng 02/2015 ông T bà P đã trả cho ông T4 hai lần với tổng số tiền là 400.000.000đồng và 190.000.000đồng ông T4 lấy của bà P ông T từ năm 2009 thành tổng số tiền là 590.000.000đồng, như vậy cấn trừ thì bị đơn yêu cầu nguyên đơn phải trả cho bị đơn số tiền 10.000.000đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà O, buộc ông T, bà P phải trả cho bà O số tiền gốc là 260.000.000đồng và tiền lãi là 233.344.500000đồng, tổng cộng là 483.344.500đồng. Về chi phí giám định: Bà O nhận chịu số tiền 5.680.000đồng nên đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của bà O. Buộc vợ chồng bà P, ông T phải chịu 3.300.000đồng chi phí giám định.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn. Nguyên đơn bà O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm tra tại phiên tòa cũng như ý kiến tranh luận của các đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà O khởi kiện yêu cầu ông T, bà P phải trả cho bà số tiền gốc 580.000.000đồng mà vợ chồng bà đã cho ông T, bà P vào ngày 04/02/2013 và tiền lãi theo mức 10%/ 1 tháng từ ngày vay cho đến khi giải quyết xong vụ án. Theo bà O thì bà đã đòi nhiều lần nhưng ông T, bà P không trả nên bà O khởi kiện. Do đó, cần căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xác định đây là vụ án dân sự về việc: *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* là phù hợp. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy, ngày 04/02/2013 giữa ông T4, bà O và ông T, bà P có thỏa thuận ông T4, bà O cho ông T, bà P vay 580.0000.000đồng, bà O xuất trình cho Tòa án bản chính giấy biên nhận ngày 04/02/2013, trong giấy này thể hiện rõ người cho vay, người vay, ngày vay, số tiền vay, thời hạn trả nợ là cuối năm 2013. Đồng thời, bà P thừa nhận có

vay của ông T4, bà O số tiền trên và thừa nhận chữ ký, chữ viết tên trong giấy vay tiền ngày 04/02/2013 do bà O xuất trình là do bà P ký và viết ra. Còn ông T cho rằng việc làm ăn trong gia đình do bà P quản lý nên việc bà P vay tiền của ai, vay bao nhiêu cụ thể như thế nào ông T không biết, chữ ký, chữ viết tên trong giấy biên nhận do bà O xuất trình không phải của ông T ký và viết ra. Do ông T không thừa nhận nên bà O đã yêu cầu giám định. Tòa án đã ra Quyết định trưng cầu giám định đối với chữ ký và chữ viết tên *"Dương Công T"*. Tại Kết luận giám định số 1201/GĐ-PC09 ngày 22/9/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng, kết luận: *"Chữ ký, chữ viết ghi họ tên Dương Công T trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký, chữ viết ghi họ tên Dương Công T trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 là do cùng một người ký và viết ra"*. Tòa án đã thông báo nội dung kết luận giám định nêu trên cho các đương sự biết, bị đơn ông T, bà P không đồng ý với nội dung kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Lâm Đồng và có đơn yêu cầu giám định lại, yêu cầu Phân viện khoa học hình sự - Bộ công an tại Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện giám định. Theo kết luận giám định của Phân viện khoa học hình sự: *"Chữ ký đứng tên Dương Công T, chữ viết họ tên Dương Công T dưới chữ ký trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết đứng tên Dương Công T trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 là do cùng một người ký, viết ra"*. Sau khi được thông báo kết luận giám định lần thứ hai thì nguyên đơn đồng ý còn bị đơn không có ý kiến gì. Vì vậy, việc ông T4, bà O cho ông T, bà P vay số tiền 580.000.000đồng vào ngày 04/02/2013 là có thật và cần xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng ông T, bà P đến nay ông T, bà P chưa trả cho ông T4, bà O số tiền này, hiện ông T4 đã chết và bà O khởi kiện là có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà O.

[2.1] Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án bị đơn có xuất trình bản chính tờ giấy có nội dung ông T4 có nhận tiền từ ông T, bà P vào tháng 02/2015. Ban đầu bà O không thừa nhận việc phía bị đơn trình bày theo giấy này đã trả cho ông T4 số tiền 400.000.000đồng nên bà O đã yêu cầu giám định. Theo kết luận giám định thì tại phần 30 triệu được sửa thành 300 triệu, chữ ký và chữ viết tên đúng là của

ông T4. Tại phiên tòa, bà O thừa nhận có lấy được số tiền 130.000.000đồng từ ông T bà P nhưng bà O chỉ đồng ý cấn trừ số tiền này vào tiền lãi. Hội đồng xét xử xét thấy, trong giấy vay tiền ngày 04/02/2013 không thể hiện giữa hai bên có thỏa thuận lãi suất, bị đơn lại không đồng ý trả lãi nên cấn trừ số tiền 130.000.000đồng vào tiền gốc là phù hợp.

[2.2] Ngoài ra, bị đơn còn xuất trình 01 tờ lịch, nội dung được ghi phía sau tờ lịch *"ngày 31/3/2009 anh Tân Oanh nhận của Thành Phương 190.000.000đồng"*. Theo bị đơn thì do giữa ông T4 với bà P có làm ăn với nhau nên cho nhau vay tiền qua lại nhiều lần, lúc thì ông T4 lấy tiền của bà P, lúc thì bà P vay lại tiền từ ông T4. Giữa hai bên chưa chốt hết nợ nần thì ông T4 mất. Vì vậy, bị đơn đề nghị trừ số tiền 190.000.000đồng này vào số tiền 580.000.000đồng phải trả cho bà O. Còn bà O xác định số tiền 190.000.000đồng ông T4 nhận của ông T, bà P thì ông bà đã trả cho ông T, bà P vì trong giấy hẹn ngày 04/4/2009 sẽ trả nên bà O không đồng ý cấn trừ số tiền này nhưng bà O không xuất trình được chứng cứ đã trả số tiền 190.000.000đồng cho ông T, bà P. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, cần cấn trừ số tiền 190.000.000đồng vào số tiền 580.000.000đồng mà bà P, ông T đã vay của bà O, ông T4.

[2.3] Từ những phân tích trên, cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà O, cần cấn trừ số tiền bị đơn đã giao cho ông T4, cụ thể: 580.000.000đồng – 190.000.000đồng – 130.000.000đồng = 260.000.000đồng. Buộc ông T, bà P phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà O số tiền gốc là 260.000.000đồng.

[3] Tại phiên tòa, ngoài việc yêu cầu ông T, bà P phải trả cho số tiền gốc là 580.000.000đồng thì bà O còn yêu cầu bị đơn ông T, bà P phải trả tiền lãi suất theo mức 10%/ tháng/ số tiền vay, tính thành tiền là 522.000.000đồng, bị đơn không đồng ý trả lãi cho nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đã giải thích cho bà O mức lãi suất bà O yêu cầu là không phù hợp với quy định của pháp luật, nếu phần lãi suất bà O yêu cầu không được chấp nhận thì bà O sẽ phải chịu án phí nhưng bà O xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu. Hội đồng xét xử xét thấy, trong giấy vay tiền ngày 04/02/2013 giữa hai bên không thể hiện có thỏa thuận về lãi suất với nhau nhưng bà O xác định có thỏa thuận lãi 1,5%/

tháng còn bị đơn không thừa nhận nên cần xác định đây là hợp đồng vay không lãi. Bà O, ông T4 cho bà P, ông T vay vào ngày 04/02/2013 ngày 17/4/2020 bà O nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nên cần áp dụng khoản 2 Điều 4, khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để tính lãi suất cụ thể như sau:

[3.1] Tiền lãi từ ngày 01/01/2014 đến ngày 04/02/2015 trên số tiền gốc 390.000.000đồng (đã cấn trừ 190.000.000đồng vào nợ gốc) được tính cụ thể như sau: 390.000.000đồng x 9%/ năm x 13 tháng 03 ngày = 38.317.500đồng.

[3.2] Theo chứng cứ đã được giám định thì ngày 04/02/2015 bà P trả 30.000.000đồng. Tháng 02 âm lịch bà P trả 100.000.000 đồng nhưng trong giấy này không ghi ngày trả nên áp dụng Điều 151 Bộ luật dân sự 2005 quy định về thời hạn, thời điểm tính thời hạn, tính ngày trả là giữa tháng 2 âm lịch tức là ngày thứ mười lăm của tháng 2 âm lịch đối chiếu sang lịch dương là ngày 03/4/2015. Tiền lãi tính từ ngày 05/02/2015 đến ngày 03/4/2015 trên số tiền gốc 260.000.000đồng được tính cụ thể như sau: 260.000.000đồng x 9%/ năm x 1 tháng 29 ngày = 5.310.000đồng.

[3.3] Tiền lãi tính từ ngày 04/4/2015 đến ngày 31/12/2016 trên số tiền gốc 260.000.000đồng được tính cụ thể như sau: 260.000.000đồng x 9%/ năm x 20 tháng 26 ngày = 40.690.000.000đồng.

[3.4] Từ ngày 01/01/2017 áp dụng lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Tiền lãi từ ngày 01/01/2017 đến ngày 06/5/2022 trên số tiền gốc 260.000.000đồng được tính cụ thể như sau: 260.000.000đồng x 10%/ năm x 64 tháng 05 ngày = 139.027.000đồng.

[3.5] Như vậy, tổng số tiền lãi cần chấp nhận buộc ông T, bà P phải trả cho bà O là 223.344.500đồng.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông T, bà P phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà O số tiền gốc là 260.000.000đồng, tiền lãi là 223.344.500đồng, tổng cộng là 483.344.500đồng.

[5] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà O đối với việc yêu cầu ông T, bà P phải trả số tiền gốc và lãi cao hơn quy định của pháp luật là 618.655.500đồng.

[6] Về chi phí tố tụng: Bà O nhận chịu số tiền tạm ứng chi phí giám định là 5.680.000đồng nên ghi nhận, số tiền này bà O đã nộp, đã quyết toán xong. Đối với chi phí giám định lần thứ hai, bà P ông T đã nộp số tiền 3.300.000đồng, do yêu cầu khởi kiện của bà O là có căn cứ nên buộc bà P, ông T phải chịu chi phí giám định lần 2 là phù hợp.

[7] Về án phí: Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bà O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền không được chấp nhận, cụ thể: 20.000.000đồng + 4%(618.655.500 - 400.000.000) = 28.746.000đồng (đã làm tròn số) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bị đơn ông T, bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: 20.000.000đồng + 4%(483.344.500 – 400.000.000) = 23.334.000đồng (đã làm tròn số) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 160, Điều 161, Điều 162, Điều 203, Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị O, buộc ông Dương Công T, bà Phan Thị Mai P phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Thị O số tiền gốc là 260.000.000đồng, tiền lãi là 223.344.500đồng, tổng cộng là

483.344.500đồng (Bốn trăm tám mươi ba triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn năm trăm đồng).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị O về việc yêu cầu ông Dương Công T, bà Phan Thị Mai P phải trả cho bà O số tiền gốc và lãi cao hơn quy định của pháp luật là 618.655.500đồng (Sáu trăm mười tám triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về chi phí tố tụng: Bà Trần Thị O tự nguyện nhận chịu 5.680.000đồng chi phí giám định, bà O đã nộp đủ, đã quyết toán xong. Ông Dương Công T, bà Phan Thị Mai P phải chịu 3.300.000đồng chi phí giám định, ông T, bà P đã nộp đủ và đã quyết toán xong.

3. Về án phí:

Buộc ông T, bà P phải chịu 23.344.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 4.750.000đồng ông T, bà P đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0015391 ngày 17/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà. Ông T, bà P còn phải nộp 18.584.000đồng (mười tám triệu năm trăm tám mươi tư nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị O phải chịu 28.746.000đồng án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 22.182.000đồng bà O đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0007681 ngày 28/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, bà O còn phải nộp 6.564.000đồng (sáu triệu năm trăm sáu mươi tư nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (06/5/2022) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Lâm Hà;
- THA dân sự huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Như Quỳnh